TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 34/2022/HNGĐ- ST Ngày: 22/8/2022 *V/v: Tranh chấp Hôn nhân gia đình*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế;

Ông Nguyễn Văn Đức.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hoa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Quý C, sinh năm 1971.

HKTT: Thôn Trạm T, xã Ninh X, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968.

HKTT: Thôn Trạm T, xã Ninh X, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Quý C kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 02/8/1993, trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi kết hôn chị C về chung sống cùng gia đình anh Đ ngay.

Theo như chị C trình bày: Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ hay uống rượu say về nhà đánh đập và chửi bới chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau tuy nhiên vì các con còn nhỏ nên chị vẫn chịu đựng. Nhưng từ năm 2018 giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị xác định chị không thể tiếp tục chung sống cùng anh Đ được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Hà T, sinh năm 1994 và Nguyễn Huy H, sinh năm 2003. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã giao, niêm yết Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Đ không đến làm việc và không khai báo. Do vậy Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật bị đơn là chưa đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quý C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Không xem xét giải quyết do hai con chung của chị Nguyễn Thị Quý C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quý C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát

về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Quý C kết hôn với anh Nguyễn Văn Đ ngày 02/8/1993, trước khi kết hôn anh chị có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Đông, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Xét thấy đây là hôn nhân hợp pháp vì tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về kết hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Quý C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Đ là có thật và nguyên nhân theo như chị C trình bày là do anh Đ hay uống rượu say dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Toà án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không hoà giải được vì anh Đ vắng mặt. Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, phía chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Đ vì chị xác định không thể tiếp tục chung sống cùng anh Đ được nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị C và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị C được ly hôn với anh Đ.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa chị C và anh Đ có hai con chung là Nguyễn Hà T, sinh năm 1994 và Nguyễn Huy H, sinh năm 2003. Hiện nay cả hai con đều đã trưởng thành và chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quý C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Quý C được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Quý C và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là Nguyễn Hà T, sinh năm 1994 và Nguyễn Huy H, sinh năm 2003.

Hiện đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Quý C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.(Xác nhận chị C đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005438 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành).

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Thuận Thành;*
- *THADS huyện Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu